

MODULE 20: INVERSION

A. LÝ THUYẾT

Đảo ngữ là hình thức đảo ngược vị trí thông thường của chủ từ và động từ trong một câu, được dùng để nhấn mạnh một thành phần hay ý nào đó trong câu

Các dạng đảo ngữ:

| 0 | Dạng đảo ngữ | Công thức | Ví dụ |
|---|-----------------------------------|---|---|
| 1 | Các cụm từ có NO | No/Not + N + Trợ động từ + S + Động từ | Not a tear did she shed when the story ended in a tragedy. |
| | | At no time = Never = Under/In no circumstances (không bao giờ) | At no time did he suspect that his girlfriend was an enemy spy. |
| | | By no means (hoàn toàn không) | By no means is she poor. She only pretends to be. |
| | | For no reason (không vì lí do gì) | For no reason will we surrender. |
| | | In no way (không sao có thể) | In no way could I believe in A ridiculous story. |
| | | On no condition = On no account + Trợ động từ + S + Động từ (dù bất cứ lí do gì cũng không) | On no account should you be late for the exam. |
| | | No longer (không còn nữa) | No longer does he make mistakes. |
| | | No where + Trợ động từ + S + Động từ (không nơi nào, không ở đâu) | No where can the keys be found. |
| 2 | Đảo ngữ với các trạng từ phủ định | Never, Rarely, Seldom, Little, Hardly, Scarcely, Barely,... | Little did he know the truth. Never in my life have I been in such an embarrassing situation. |
| 3 | Đảo ngữ với ONLY | Only after + S + V + Trợ động từ + S + V (chỉ sau khi) | Only after I had left home did I realize how important my family played a role in my life. |
| | | Only after + N + Trợ động từ + S + V (chỉ sau khi) | Only after his father's retirement did he take over the company. |
| | | Only by + V-ing + Trợ động từ + S + V (chỉ bằng cách) | Only by studying hard can you pass the exam. |
| | | Only if + S + V + Trợ động từ + S + V (chỉ nếu) | Only if you promise to keep secret will I tell you about it. |
| | | Only when + S + V + Trợ động từ + S + V (chỉ khi) | Only when you grow up can you understand this matter. |
| | | Only with + N + trợ động từ + S + V (chỉ với) | Only with your help can we manage. |
| | | Only once/ Only later/ Only in this way/ Only then + Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ | Only once have I met her. Only later did I realize I was wrong. |
| 4 | Hardly No sooner | Hardly/barely/scarcely + had + S + Vp2 + when + S + V (quá khứ đơn) = No sooner + had + S + Vp2 + than + S + V (quá khứ đơn) | Hardly had I gone to bed when the telephone rang. = No sooner had I gone to bed than the telephone rang. |

Basic Grammar in use (Grammar)

| | | | |
|----|---|--|---|
| | | (Ngay khi/ vừa mới... thì) | |
| 5 | Not only ... but also | Not only + Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ + but also + Chủ ngữ + Động từ (không những... mà còn) | Not only does she sing beautifully but also she learns well. |
| 6 | So/Such ... that | So + Tính từ + V + chủ ngữ + that + clause Such + be + N + that + clause/ N + be + such + that + clause (quá... đến nỗi mà) | So beautiful is she that many boys run after her. Her anger was such that she broke the vase. = Such was her anger that she broke the vase. |
| 7 | Not until/ Not till | Not until/till + Time/Time clause + Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ (mãi đến khi) | Not until/till midnight did he come home. Not until/till I was 8 did I know how to ride a bike. |
| 8 | Neither | Neither + Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ | Neither is there excitement nor entertainment in this small town. |
| 9 | Đảo ngữ với câu điều kiện | Câu điều kiện loại 1: Should + S+V, V + O /S + will, can... + V | Should he come, please tell him to see me. |
| | | Câu điều kiện loại 2: Were + S + (to V) + ..., S + would/could + V | Were I you, I would apply for that job. Were I to have enough money, I would buy that car. |
| | | Câu điều kiện loại 3: Had + S + Vp2, S + would/could + have + Vp2 | Had the car in the front not stopped so suddenly, the accidents wouldn't have happened. |
| 10 | Although | Although/even though/though + S + V, S + V = Much as + S + V, S + V = No matter what + S + V, S + V hoặc No matter how + adj/adv + S + V, S + V | Although the exercise is difficult, the boys can solve it. = Much as the exercise is difficult, the boys can solve it. = No matter how difficult the exercise |
| | | = However + adj/adv + S + V = Adj/adv + as/though + S + V, S + V | is, the boys can solve it. = However difficult the exercise is, the boys can solve it. = Difficult as the exercise is, the boys can solve it. |
| 11 | NOR | Nor + Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ | He doesn't smoke, nor does he drink. |
| 12 | Đảo ngữ có SO/NEITHER | So/Neither + Trợ động từ + Chủ ngữ | I can't sing well, neither can my sister. He loves football, so do I. |
| 13 | Đảo ngữ với các trạng từ chỉ phương hướng/ nơi chốn | Adv of place + V + S | Near my house is a bus stop. |

Basic Grammar in use (Grammar)

| | | | |
|----|---------------------------------------|--|---|
| 14 | Đảo ngữ với cụm phân từ | Cụm phân từ (V-ing/Vp2) + V + S | Situated in the central mountains of Alaska is a peak named Denali. Coming first in the race was my sister. |
|----|---------------------------------------|--|---|